

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

Số: 56 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 24 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2 tại Công văn số 31/CV-SPB2 ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Công văn số 048/CV-SPB2 ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Dây chuyền kéo sợi 20.000 cọc sợi và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tại Tờ trình số 881 /TTr-KKTCN ngày 16 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2, địa chỉ tại Khu công nghiệp Phú Bài, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Dây chuyền kéo sợi 20.000 cọc sợi với

các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư, cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Dây chuyền kéo sợi 20.000 cọc sợi.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B-5-4, Khu công nghiệp Phú Bài, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế (thuê lại đất của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp).

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 31321000046, được Ban Quản lý các Khu công nghiệp (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp) chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2011; chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 10 năm 2013.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 3301352473, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 9 năm 2011.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 3,37 ha.

- Quy mô, công suất: Khoảng 20.000 cọc sợi.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý và đấu nối nước thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2 có trách nhiệm.

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải

bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu theo quy định và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng quy định.

2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND thị xã Hương Thủy;
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp;
- Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 56 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn phát sinh bụi, khí thải của cơ sở: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất bên trong nhà xưởng của cơ sở (chủ yếu là bụi phát sinh tại các công đoạn trong quá trình sản xuất như các công đoạn dây bông, chải sợi, ghép sợi, cuộn cúi, chải kỹ, se sợi, đánh ống).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Các nguồn thải phát sinh bụi, khí thải được thu gom, xử lý tại 03 thiết bị gồm: máy lọc bụi cotton; máy lọc bụi PE; máy lọc bụi chải kỹ. Trong đó, dòng khí thải sau khi được xử lý tại máy lọc bụi chải kỹ được tận dụng, đầu nối vào buồng điều không để cấp gió cho nhà xưởng. Cơ sở có 02 dòng thải ra môi trường không khí xung quanh, gồm:

- Dòng số 01: Dòng khí thải từ máy lọc bụi cotton.
- Dòng số 02: Dòng khí thải từ máy lọc bụi PE.

2.1. Vị trí xả thải: Tại 02 miệng thải ra môi trường không khí từ máy lọc bụi cotton và từ máy lọc bụi PE.

Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0):

STT	Vị trí xả thải	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
1	Miệng thải từ máy lọc bụi cotton	1.812.237,28	573.626,24
2	Miệng thải từ máy lọc bụi PE	1.812.230,11	573.620,14

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất khoảng $152.770 \text{ m}^3/\text{giờ}$, trong đó:

- Máy lọc bụi cotton, công suất 37 kW với lưu lượng tối đa là $56.660 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Máy lọc bụi PE, công suất 75 kW với lưu lượng tối đa là $96.110 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức, liên tục trong thời gian hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải đảm bảo đạt QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, giá trị Cmax, Kp = 0,8 và Kv = 1,0), trong đó:

STT	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn cho phép	Đơn vị tính	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	160	mg/Nm ³	06 tháng/lần; khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Hệ thống thu gom

Tại xưởng sản xuất, chủ cơ sở lắp đặt các tuyến ống chất liệu thép không gỉ để thu gom bụi cụ thể như sau:

- Lắp đặt đường ống chất liệu kẽm (đường kính từ 350 mm – 450 mm) với chiều dài khoảng 30 m để chuyển tải dòng khí thu gom tại các điểm phát sinh đến máy lọc bụi công đoạn tạo củi cotton (công suất máy 37 kW).

- Lắp đặt đường ống chất liệu kẽm (đường kính từ 350 mm – 450 mm) với chiều dài khoảng 45 m để chuyển tải dòng khí thu gom tại các điểm phát sinh đến máy lọc bụi công đoạn tạo củi PE (công suất máy 75 kW).

- Lắp đặt đường ống chất liệu kẽm (đường kính từ 350 mm – 450 mm) với chiều dài khoảng 35 m để chuyển tải dòng khí thu gom tại các điểm phát sinh đến máy lọc bụi công đoạn chắt kỹ (công suất máy 37 kW). Dòng khí thải sau xử lý tại máy lọc bụi công đoạn chắt kỹ được tận dụng, đầu nối vào buồng điều không để cấp gió cho nhà xưởng, không xả ra môi trường thông qua ống xả hoặc ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý

1.2.1. Thiết bị, máy lọc bụi trung tâm

Chủ cơ sở lắp đặt 03 máy lọc bụi để thu gom, xử lý bụi từ các dây chuyền sản xuất gồm: máy lọc bụi cotton; máy lọc bụi PE; máy lọc bụi chắt kỹ. Nguyên lý hoạt động của máy lọc bụi như sau:

Máy lọc bụi có 02 buồng lọc bụi gồm: buồng lọc bụi sơ cấp và buồng lọc bụi thứ cấp. Bụi phát sinh tại công đoạn sản xuất được hút chân không vào

buồng lọc bụi sơ cấp, buồng được bố trí đĩa lọc lưới có 120 lỗ (diện tích mỗi lỗ là 25,4 mm²). Bông vụn, xơ vụn có kích thước lớn được giữ lại và chuyển về máy ép để ép thành các kiện bông phế và được chủ cơ sở bán cho các cơ sở sản xuất các loại sợi có chất lượng thấp hơn đối với công đoạn cotton và chải kỹ hoặc tái sử dụng đối với công đoạn PE.

Dòng khí thải sau khi ra khỏi buồng lọc sơ cấp được tiếp tục xử lý tại buồng lọc thứ cấp, bên trong buồng được cấu tạo theo hình dạng tổ ong được bọc loại nilông chống bụi xuyên qua. Bụi được giữ lại tại buồng lọc thứ cấp được thu gom, ép thành các bánh bụi; sau đó, được chủ cơ sở xử lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với công đoạn cotton và chải kỹ hoặc tái sử dụng đối với công đoạn PE. Dòng khí thải sau khi ra khỏi buồng lọc thứ cấp của máy lọc bụi công đoạn cotton và công đoạn PE được xả ra môi trường không khí thông qua ống thải. Dòng khí thải sau khi ra khỏi buồng lọc thứ cấp của máy lọc bụi công đoạn chải kỹ được đầu nối vào buồng điều không để cấp gió cho nhà xưởng.

- Hiệu suất xử lý bụi: Khoảng trên 90%. Chất lượng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C_{max}, cột B, K_p=0,8 và K_v=1,0).

1.2.2. Máy hút bụi di động

Chủ cơ sở lắp đặt thiết bị hút bụi di động trên cao, chạy dọc trên các công đoạn bố trí máy sản xuất sợi thô, sợi con và đánh ống để thu gom bông vụn, xơ vụn từ các công đoạn sản xuất. Hệ thống có các miệng hút phía trên của dây chuyền và các tay hút ở hai bên sườn dây chuyền, trên các tay hút được bố trí các ống hút ngang sườn sát với dây chuyền và miệng hút sát nền nhằm hút sạch các bông vụn, xơ vụn phát sinh khi vận hành sản xuất. Bông vụn, xơ được hút tập trung về thùng chứa ở đầu mỗi dây chuyền và được ép kiện bán phế liệu. Số lượng máy hút bụi di động tại cơ sở là 28 máy; trong đó, công đoạn sản xuất sợi thô là 06 máy, công đoạn sản xuất sợi con là 16 máy, công đoạn đánh ống là 06 máy.

1.2.3. Hệ thống điều không cho nhà xưởng: Chủ cơ sở lắp đặt 02 buồng điều không tại nhà xưởng.

Bụi và không khí nóng bên trong nhà xưởng được hút qua các mương hút đưa về buồng điều không. Tại đây, bụi theo đường ống chuyển vào lồng quay chữ L, lồng quay thực hiện quay liên tục dưới tác động của quạt thổi, bụi sẽ cuộn lại với nhau và chuyển về cuối lồng quay và đẩy vào túi chứa bụi. Định kỳ 01 ngày/lần, công nhân gom bụi tại hệ thống điều không, đưa đến máy ép, ép thành kiện và tái sử dụng để sản xuất.

Ngoài ra, buồng điều không còn có chức năng cung cấp khí mát cho nhà xưởng. Không khí nóng sau khi được thu gom theo đường ống bằng quạt hút, một phần được đưa đến cửa thoát gió để thoát ra ngoài, một phần được cấp gió

tươi và được làm mát, tăng độ ẩm tại buồng phun sương và cấp về lại nhà xưởng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý để nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động tốt, xử lý toàn bộ bụi phát sinh.

Bố trí công nhân vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải. Khi có sự cố xảy ra, chủ cơ sở phải tạm dừng hoạt động sản xuất để khắc phục, sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm là 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

Trước khi bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo, gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thị xã Hương Thủy) để kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

02 (hai) máy lọc bụi gồm: máy lọc bụi cotton và máy lọc bụi PE.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

Tại điểm xả ra môi trường không khí xung quanh của dòng khí thải sau khi được xử lý tại 02 máy lọc bụi (theo tọa độ được cấp phép xả thải tại Phần A của Phụ lục này).

2.4. Thông số chính và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

Thông số quan trắc, giám sát: Lưu lượng, bụi tổng.

2.5. Tần suất lấy mẫu: Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo). Loại mẫu: Mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A nêu trên trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐÁU NỒI NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 56 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. THÔNG TIN VỀ NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ

1. Các nguồn phát sinh nước thải, trong đó:

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động tắm rửa của cán bộ nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động vệ sinh của cán bộ nhân viên.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà bếp.
- Nguồn số 04: Nước thải công nghiệp phát sinh từ hệ thống làm mát nhà xưởng (chủ cơ sở thu gom, tái sử dụng làm mát nhà xưởng, không thải ra môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn nước tiếp nhận

Nước thải của cơ sở (nguồn số 01, số 02 và số 03) sau khi được xử lý sơ bộ đầu nổi, dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Bài, công suất 6.500 m³/ngày.đêm để tiếp tục được xử lý, thải ra môi trường.

2.2. Vị trí xả nước thải

Vị trí đầu nổi nước thải của cơ sở tại hố ga ký hiệu NT14 (cao độ +9,74 m) thuộc Hệ thống thu gom thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Bài.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 6,56 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả ngầm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải khi đầu nổi vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Bài phải đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận theo Hợp đồng Dịch vụ thoát nước thải số 29/HĐTNT ngày 21/5/2013 đã ký kết với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐÁU NỒI NƯỚC THẢI

1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

Tất cả các nguồn phát sinh nước thải của cơ sở được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa PVC. Nước thải từ hoạt động vệ sinh của cán bộ công nhân viên được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại; nước thải từ khu nhà ăn được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ (vật liệu inox); sau đó, kết hợp với nước thải từ hoạt động tắm rửa của cán bộ công nhân viên theo tuyến ống thu gom đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Bài tại vị trí hố ga ký hiệu NT14 để dẫn về xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Bài do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp quản lý, vận hành, công suất 6.500 m³/ngày.đêm.

Chủ cơ sở phải đảm bảo tách riêng hoàn toàn hệ thống thu gom nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở; đảm bảo nước thải được thu gom triệt để, đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Bài theo quy định. Tuyệt đối không có bất kỳ điểm xả, điểm đầu nối nước thải khác so với Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Chủ cơ sở xây dựng 04 bể tự hoại có kết cấu bằng bê tông, cốt thép chống thấm: 01 bể tại nhà văn phòng, 02 bể tại khu vực sản xuất của nhà xưởng và 01 bể tại nhà bảo vệ; mỗi bể có dung tích khoảng 10,7 m³ (kích thước là 3,7mx1,8mx1,6m).

Xây dựng 01 bể tách dầu mỡ vật liệu inox; kích thước 0,4mx0,6mx0,4m. Chủ cơ sở phải thuê đơn vị có chức năng để định kỳ thu gom và vận chuyển phân lắng cặn, xử lý theo đúng quy định.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 56 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ các hoạt động vận hành sản xuất (dây chuyền máy móc, thiết bị, ...).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực sản xuất trong khuôn viên nhà xưởng của cơ sở.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27: 2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Chủ cơ sở phải kiểm tra định kỳ độ cân bằng của các máy móc và tình trạng mài mòn của các chi tiết đảm bảo máy vận hành ổn định, giảm tiếng ồn do sự va đập hoặc rung động không mong muốn.

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên làm việc tại khu vực sản xuất.

Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn phát ra bên ngoài. Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị rung công suất lớn.

Các máy móc thiết bị rung lớn đều được lắp đặt trên nền bê tông phẳng và chắc chắn, bằng bê tông.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 56 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	26
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	13
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	273
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	7
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	16 01 13	13
	Tổng cộng			332

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Sản phẩm hữu cơ bị loại bỏ từ quá trình sản xuất chưa qua sử dụng (tạp chất hữu cơ từ máy lọc bụi cotton và máy lọc bụi vải kỹ)	Rắn	19 03 04	600
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ (dây đai và bao bì thải)	Rắn	18 01 05	15.500
3	Bao bì nhựa (dây đai nhựa)	Rắn	15 01 02	4.000
	Tổng cộng			20.100

Ngoài ra, hoạt động sản xuất của cơ sở phát sinh các bông phế, xơ sợi ngắn với khối lượng khoảng 618 tấn/năm. Khối lượng chất thải này, chủ cơ sở chuyên giao cho các đơn vị có nhu cầu để tái sử dụng, sản xuất các sản phẩm có chất lượng thấp hơn.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 80 m³/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải nguy hại phải được thu gom và lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Chủ cơ sở đã bố trí 03 thùng chứa CTNH (100 lít/thùng), 01 thùng chứa dung tích 240 lít, 01 thùng phuy có dung tích 120 lít. Trường hợp thùng chứa, bao bì và thiết bị chứa đựng CTNH không đủ về số lượng, chủ cơ sở phải tiếp tục đầu tư, bố trí đảm bảo đầy đủ trong khoảng thời gian lưu giữ CTNH tại nhà máy theo quy định.

Bao bì, thiết bị lưu chứa các loại chất thải nguy hại của cơ sở phải có mã chất thải nguy hại, ký hiệu cảnh báo theo quy định. Không thu gom lẫn lộn các loại chất thải nguy hại trong quá trình lưu giữ.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

Kho lưu giữ CTNH có diện tích 15 m² tại góc phía sau nhà xưởng. Chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ cơ sở rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Chủ cơ sở phải tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành các nhóm khác nhau để tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao để xử lý theo quy định tại Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Bố trí bao bì/thiết bị lưu chứa phù hợp với các nhóm chất thải sinh hoạt sau khi đã phân loại.

Tại khu vực nhà ăn, nhà xưởng và khuôn viên cơ sở: Bố trí khoảng 22 thùng rác, vật liệu nhựa HDPE (dung tích từ 40 - 240 lít/thùng) tại các khu vực nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất, các tuyến đường nội bộ và điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

Chất thải rắn sinh hoạt được công nhân vệ sinh vận chuyển đến khu vực tập kết rác thải sinh hoạt tại hướng Đông Bắc của cơ sở.

Chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh theo đúng quy định. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ cơ sở rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đối với bông xơ, sợi rối thu gom từ buồng lọc bụi chải kỹ và từ các máy hút bụi di động: Chủ cơ sở thu gom phân loại thành bông phế, ép kiện và tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất của cơ sở.

Đối với bông phế (thu hồi từ buồng lọc bụi Pe, buồng lọc bụi cotton): Thu hồi phân loại thành bông phế F0, F1, F2 và ép thành các kiện bông phế, được công nhân vận chuyển về lưu giữ tại kho sợi của cơ sở; sau đó, chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu để tái sử dụng, sản xuất các sản phẩm có chất lượng thấp hơn.

Chủ cơ sở bố trí khu vực tập kết kiện bông phế với diện tích 630 m² trong khu vực nhà xưởng sản xuất. Định kỳ chuyển giao cho các cơ sở sản xuất sợi có nhu cầu sử dụng.

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ thu gom, vận chuyển theo đúng quy định. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép môi trường, yêu cầu chủ cơ sở rà soát, ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định trong trường hợp hợp đồng đã ký hết hiệu lực.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ: Chủ cơ sở phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an thành phố Huế tổ chức tập huấn cho công nhân lao động về kiến thức và thực hành về công tác phòng, chống cháy nổ tại chỗ cho cơ sở hàng năm.

2. Sự cố hư hỏng máy móc thiết bị: Chủ cơ sở định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị; trường hợp phát hiện hư hỏng dừng ngay hoạt động sản xuất khi có sự cố để sửa chữa thiết bị.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 56 /GPMT-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Tăng cường công tác vệ sinh nhà xưởng (tại các nhà xưởng, sân bãi, dọc các tuyến đường đi, ...). Thường xuyên nạo vét, vệ sinh, khơi thông hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thoát nước mưa của cơ sở. Tuyệt đối không có bất cứ hoạt động xả nước thải ra môi trường hoặc xả ra bên ngoài khuôn viên cơ sở mà không thông qua Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp dưới mọi hình thức.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.

4. Chủ cơ sở phải tuân thủ nghiêm túc quy định về đảm bảo an toàn hoạt động hàng không; chiều cao công trình, thiết bị và cây cối trong phạm vi cơ sở phải đảm bảo quy định về chiều cao tính không an toàn bay tại Cảng hàng không quốc tế Phú Bài.

5. Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi cơ sở. Có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi cơ sở.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột

xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải đã được cấp phép hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. Đảm bảo bố trí đầy đủ sàn thao tác, điểm (cửa) lấy mẫu khí thải phục vụ việc lấy mẫu đối với quan trắc định kỳ và quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

8. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Trong quá trình hoạt động, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường./.